TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 7 – CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 23/01/2026.
"V/v ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 – CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thanh Mai.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lâm Văn Tùng.

Bà Đàm Thị Thanh Loan.

- Thư ký phiên tòa: Ông Tô Đức Bình, Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 7 – Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Cần Thơ tham gia phiên tòa: Bà Lê Ngọc Niềm - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 01 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 7 – Cần Thơ, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 131/2025/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 10 năm 2025, về "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 288/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 12 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ông Trần Văn V, sinh ngày 01/01/1974 (có đơn xin vắng).

Số căn cước công dân

Địa chỉ: Khu vực V, phường N, thành phố Cần Thơ.

- *Bị đơn*: Bà Trần Thị N, sinh ngày 01/01/1976 (vắng mặt).

Số căn cước công dân

Địa chỉ: Khu vực V, phường N, thành phố Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 19/8/2025 và quá trình giải quyết, nguyên đơn ông Trần Văn V trình bày: Ông và bà Trần Thị N tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn vào ngày 13/10/2008 tại Ủy ban nhân dân xã V, thị xã N, tỉnh S (nay là UBND phường N, thành phố C). Thời gian đầu khi mới sống chung với nhau thì cuộc sống vui vẻ, hạnh phúc, thời gian nhưng về sau vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn cãi vã, do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, đã nhiều lần hàn gắn vẫn không thay đổi.

Về hôn nhân: Ông yêu cầu được ly hôn với bà N.

Về con chung: Vợ chồng ông có 03 người con chung là cháu Trần Minh V, sinh ngày 27/05/1996; cháu Trần Thị Thúy V1, sinh ngày 27/05/1999 và cháu Trần Thảo V2, sinh ngày 03/05/2006. Các con đã trưởng thành và có khả năng lao động, tự nuôi sống nên ông không yêu cầu giải quyết vấn đề của con.

Về tài sản chung, nợ chung và nghĩa vụ cấp dưỡng vợ chồng sau khi ly hôn: Ông không yêu cầu xem xét, giải quyết.

- Bị đơn bà Trần Thị N vắng mặt, quá trình giải quyết không có văn bản trình bày ý kiến.

Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Cần Thơ phát biểu: Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý đến trước thời điểm nghị án, Hội đồng xét xử, thư ký đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Về nội dung, thì thấy ông V yêu cầu ly hôn, Tòa án đã thông báo cho bà N biết việc ông V yêu cầu ly hôn nhưng bà N không có ý kiến, không đến tham gia phiên hòa giải chứng minh hôn nhân của hai người mâu thuẫn trầm trọng. Vì vậy, đề nghị hội đồng xét xử chấp nhận cho ông V được ly hôn với bà N. Đối với các vấn đề về tài sản chung, nợ chung và nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ chồng không yêu cầu nên đề nghị không xem xét. Về án phí buộc ông V phải chịu án phí ly hôn theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Ông V khởi kiện yêu cầu giải quyết về hôn nhân với bị đơn có nơi cư trú tại phường N, thành phố C nên Tòa án nhân dân khu vực 7 – Cần Thơ thụ lý, giải quyết là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho đương sự đến phiên tòa lần thứ hai và nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt không lý do nên căn cứ khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vụ án theo quy định.

[2] Về hôn nhân: Ông V và bà Trần Thị N tự nguyện kết hôn, làm thủ tục đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã V, thị xã N, tỉnh S (nay là UBND phường N, thành phố C) cấp giấy chứng nhận kết hôn nên xác định đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Theo quy định tại khoản 1 Điều 51 Luật Hôn nhân và gia đình, ông V có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn. Xét thấy, giữa vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình và sống chung với nhau. Tuy nhiên trong vụ án này bà N đã được thông báo về việc ông V khởi kiện yêu cầu ly hôn, được triệu tập hòa giải nhưng bà N không có mặt, không có văn bản trình bày ý kiến đã cho thấy quan hệ giữa ông V và bà N đã trầm trọng không thể hàn gắn. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của ông V được ly hôn với bà N.

[3] Về con chung: Ông V và bà Trần Thị N có ba người con chung tên Trần Minh V1, sinh ngày 27/05/1996; Trần Thị Thúy V2, sinh ngày 27/05/1999 và cháu Trần Thảo V3, sinh ngày 03/05/2006 đã trưởng thành, ông V và bà N không có yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Tài sản chung, nợ chung và nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ chồng: Các đương sự không yêu cầu giải quyết, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Nguyên đơn ông Trần Văn V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn theo quy định điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

[6] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Cần Thơ là có cơ sở chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án, tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Ông Trần Văn V được ly hôn với bà Trần Thị N.

2. Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Không có yêu cầu, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

3. Ông Trần Văn V phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn là 300.000 đồng. Khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp, ông Trần Văn V đã nộp xong án phí theo biên lai thu số 0007655 ngày 20/8/2025 của Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ.

4. Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, người vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND thành phố Cần Thơ;
- VKSND khu vực 7 – Cần Thơ;
- THADS thành phố Cần Thơ;
- UBND phường Ngã Năm, thành phố Cần Thơ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Thanh Mai